

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 338/2025/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm; số 06/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội; số 180/2002/QĐ-TTg về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; số 30/2015/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg; số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù; số 12/2024/QĐ-TTg về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi; số 50/2010/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế xử lý nợ rui ro tại NHCSXH; số 08/2021/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ rui ro tại NHCSXH;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 62/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; số 84/2025/TT-BTC về

sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4284/TTr-STC ngày 16/6/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 215/BC-STP ngày 22/5/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 sửa đổi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH₂.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (sau đây viết tắt là Chi nhánh NHCSXH tỉnh) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hằng năm, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối ngân sách và theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, để ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.

3. Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và dự phòng rủi ro tối đa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 của Quy chế này.

**Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh

UBND tỉnh giao Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay

1. Hàng năm, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí nguồn ngân sách địa phương chuyển sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh để bổ sung nguồn vốn thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đơn vị tiếp nhận nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh.

3. Phân bổ nguồn vốn: Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung và nguồn tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương chưa được phân bổ hàng năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định.

Điều 6. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có) và quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 9. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có), gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có), gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý, hạch toán và phân bổ số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương với mức trích 10% số tiền lãi thu được, tỷ lệ được hưởng cụ thể như sau:

Trích 9% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

Trích 1% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Sở Tài chính.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay. Việc phân bổ nguồn vốn bổ sung thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này do Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý nợ bị rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

a) Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế của các khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung

ngân sách tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Trường hợp dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư dự phòng rủi ro tối đa theo quy định, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

5. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro tại địa phương đã thực hiện trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm NHCSXH tỉnh tiếp tục quản lý để xử lý rủi ro theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tình hình nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH và quy định pháp luật liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan

1. Sở Tài chính là đầu mối phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu, báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh:

a) Bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh trên địa bàn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với sở ngành liên quan thẩm định hồ sơ vay vốn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với sở ngành liên quan thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

d) Chủ trì, phối hợp Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các sở ngành liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 10 Quy chế này.

đ) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này.

2. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tổ chức tuyên truyền chính sách tín dụng ưu đãi đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

b) Thực hiện bình xét đối tượng vay vốn công khai, dân chủ theo quy định.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo văn bản liên tịch, hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

d) Phối hợp đôn đốc, xử lý nợ quá hạn, nợ rủi ro; đánh giá chất lượng hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn theo quy định.

e) Phối hợp giám sát việc thực hiện Quy chế, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

4. UBND xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ khó đòi, nợ quá hạn,...; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi,...

5. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
- c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện các nội dung nêu tại Quy chế này, trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định mới làm thay đổi các nội dung nêu trên thì áp dụng thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp phát sinh các khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan có văn bản phản ánh gửi về NHCSXH, Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét phương án xử lý đảm bảo theo quy định./.